

**CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN SK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN SK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300983202

**3. Ngày thành lập:** 16/05/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 26, Đường Hoàng Ngọc Phách, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0987040666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện | 1629     |
| 2.  | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                         | 1709     |
| 3.  | In ấn                                                                                    | 1811     |
| 4.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                 | 1812     |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                               | 2391     |
| 6.  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                       | 2394     |
| 7.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                 | 2395     |
| 8.  | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu                | 2399     |
| 9.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                 | 2410     |
| 10. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                           | 2630     |
| 11. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                           | 2651     |
| 12. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                | 2750     |
| 13. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                             | 2819     |
| 14. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                    | 2824     |
| 15. | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe                     | 2930     |
| 16. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                            | 3100     |
| 17. | Xây dựng nhà các loại                                                                    | 4100     |
| 18. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                | 4210     |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                               | 4290     |
| 20. | Phá dỡ                                                                                   | 4311     |

|     |                                                                                                                                                                               |                                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                             | 4312                                                         |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                     | 4610                                                         |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                       | 4663                                                         |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                             | 4669                                                         |
| 25. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                             | 4690                                                         |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                        | 4741                                                         |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                | 4933                                                         |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                                                          | 5221                                                         |
| 29. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                       | 8560                                                         |
| 30. | Hoạt động cho thuê tài chính                                                                                                                                                  | 6491                                                         |
| 31. | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)                                                                                     | 6499                                                         |
| 32. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                         | 6810(Chính)                                                  |
| 33. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                             | 6820                                                         |
| 34. | Hoạt động pháp luật                                                                                                                                                           | 6910                                                         |
| 35. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                | 7010                                                         |
| 36. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                      | 7020                                                         |
| 37. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                           | 7110                                                         |
| 38. | Quảng cáo                                                                                                                                                                     | 7310                                                         |
| 39. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                            | 7830                                                         |
| 40. | Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THẾ KIÊN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/02/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125555669

Ngày cấp: 25/03/2010

Nơi cấp: công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân Thịnh, Xã Bồng Lai, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 26, Đường Hoàng Ngọc Phách, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THẾ KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/02/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125555669

Ngày cấp: 25/03/2010

Nơi cấp: công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân Thịnh, Xã Bồng Lai, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 26, Đường Hoàng Ngọc Phách, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh